

Số: 392 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động lâm nghiệp năm 2018

Thực hiện Văn bản số 1613/TCLN-KHTC ngày 28/9/2018 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018;

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang, báo cáo như sau:

A- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Phát huy tiềm năng, thế mạnh về sản xuất lâm nghiệp, với trên 448.000 ha đất lâm nghiệp, diện tích rừng hiện có 420.890 ha, tỷ lệ che phủ rừng năm 2017 đạt 64,9% (là một trong 03 tỉnh có tỷ lệ che phủ rừng lớn nhất cả nước), ngay từ đầu kỳ, cấp uỷ, chính quyền tỉnh Tuyên Quang xác định phát triển lâm nghiệp là nhiệm vụ quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, với mục tiêu chính trị quan trọng đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (khóa XVIII) đã ban hành các Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp, cụ thể gồm: Số 40/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 về việc điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; Số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021¹; Số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh²; Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty TNHH 1 TV Lâm nghiệp trực thuộc tỉnh quản lý; hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025, gắn với điều chỉnh hợp lý quy hoạch phân 3 loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) và cắm mốc phân định ranh giới cụ thể ngoài thực địa, đồng thời ban hành nhiều cơ chế chính sách thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất lâm nghiệp (tạo điều kiện để Công ty CP giấy An Hòa hỗ trợ toàn bộ cây giống, chi phí khảo sát thiết kế, khuyến lâm để các hộ gia đình, cá nhân

¹Quy định cơ chế hỗ trợ trồng rừng bằng 2 loài cây: Keo lai mô và Keo tai tượng hạt nhập ngoại, đối tượng là các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất lâm nghiệp tập trung tối thiểu từ 0,5 ha trở lên được hỗ trợ toàn bộ cây giống và chi phí vận chuyển, thiết kế, khuyến lâm để trồng rừng, từ nguồn thu để lại của địa phương.

²Quy định cơ chế: Tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay, ngoài ra các trang trại còn được hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo quản lý kinh doanh trang trại, hỗ trợ khuyến nông, khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại

trồng rừng sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu; hỗ trợ pháp lý cho Công ty cổ phần Woodland Tuyên Quang hỗ trợ tổ chức cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng (FSC) cho diện tích rừng trồng của các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh); Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt quan tâm trong khâu sản xuất giống, tỉnh đã đầu tư xây dựng 01 Công trình nhà nuôi cấy mô công suất 1,5 triệu cây giống/năm; thu hút đầu tư 04 dự án chế biến gỗ xuất khẩu với công suất trên 200.000 m³ sản phẩm/năm; Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) đạt 1.101,62 tỷ đồng, tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân/năm giai đoạn 2013-2017 đạt 7,4%

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LÂM NGHIỆP 9 THÁNG NĂM 2018, DỰ KIẾN KẾT QUẢ NĂM 2018.

1. Dự ước hiện trạng rừng, tỷ lệ che phủ rừng năm 2018

1.1 Diện tích có rừng: 423.366,69 ha. Trong đó:

a) Rừng phân theo nguồn gốc:

+ Rừng tự nhiên: 233.193,64 ha.

+ Rừng trồng: 190.173,05 ha.

b) Rừng phân theo mục đích sử dụng:

+ Rừng đăch dụng: 45.578,94 ha.

+ Rừng phòng hộ: 114.955,07 ha.

+ Rừng sản xuất: 242.680,49 ha.

+ Rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 20.152,14 ha.

1.2 Ước tỷ lệ che phủ rừng: 65,0 %

2. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng

Trong 9 tháng đầu năm 2018, lực lượng kiểm lâm đã tổ chức được 923 cuộc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng cho cho 67.250 lượt người; Tổ chức 17 hội nghị bảo vệ rừng và PCCCR tại 15 xã, 222 thôn với 1.051 người tham gia; Thực hiện ký cam kết bảo vệ rừng: 47 Chủ tịch xã ký với Chủ tịch huyện; 1.966 trưởng thôn ký với Chủ tịch xã; 56.985 hộ gia đình ký với thôn; 8.453 em học sinh ký với nhà trường; phát tài liệu tuyên truyền 210 quyển; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các chủ rừng, UBND cấp huyện, cấp xã: chỉnh sửa, bổ sung 129 phương án và xây dựng mới 8 phương án phòng cháy chữa cháy rừng, kiện toàn các Ban chỉ huy PCCCR, kiện toàn 99 trong tổng số 1.658 tổ đội bảo vệ rừng trên địa bàn toàn tỉnh; Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, chính quyền các cấp tổ chức diễn tập 05 cuộc PCCCR cấp xã, kết quả diễn tập đều đạt loại khá giỏi;

Đã phối hợp cùng các sở, ngành liên quan tổ chức 03 cuộc kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2018 trên địa bàn các huyện.

Qua kiểm tra đã chỉ rõ vai trò trách nhiệm, năng lực điều hành chỉ huy chữa cháy rừng của chính quyền các cấp và chủ rừng tại địa phương đối với công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Nâng cao hiệu quả trong việc bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại các cơ sở.

Duy trì chế độ thông báo, dự báo nguy cơ cháy rừng đến các Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã và chủ rừng để có biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng kịp thời, hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra. Tổ chức trực phòng cháy, chữa cháy rừng 24/24 giờ tại văn phòng Chi cục Kiểm lâm, văn phòng các Hạt Kiểm lâm và các Trạm Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã. Trong các ngày nắng nóng, khô hạn kéo dài các Trạm Kiểm lâm bố trí cán bộ thường xuyên tuần tra, thường trực tại các khu rừng có nguy cơ cháy cao. Tổ chức kiểm tra, xác minh 132 điểm nghi cháy rừng được phát hiện qua phần mềm cảnh báo sớm cháy rừng; trong đó phát hiện 02 vụ cháy. Ngay sau khi phát hiện cháy rừng, chính quyền địa phương đã chủ động huy động lực lượng tại chỗ chữa cháy kịp thời.

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm tăng cường lực lượng tại các khu vực trọng điểm, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, ngành chức năng, chính quyền địa phương, tiếp tục duy trì các tổ công tác cơ động liên ngành kiểm tra, truy quét, ngăn chặn và xử lý các đối tượng khai thác, mua, bán, vận chuyển, cất giữ, kinh doanh, chế biến lâm sản trái phép trên địa bàn tỉnh. Kết quả 9 tháng đầu năm 2018 đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 406 vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, chi tiết theo biểu:

TT	Hạng mục	ĐVT	9 tháng năm 2018		U' TH tháng năm 2018	
			Kết quả	So với cùng kỳ (tăng, giảm)	Kết quả	So với cùng kỳ (tăng, giảm)
1	Số vụ vi phạm	Vụ	406	Giảm 06 vụ		
-	Phá rừng trái phép	Vụ	61	Tăng 19 vụ		
-	Khai thác rừng trái phép	Vụ	33	Giảm 02 vụ		
-	Cháy rừng	Vụ	3	Giảm 02 vụ		
-	Quy định về sử dụng đất lâm nghiệp	Vụ	0			
-	Vi phạm các quy định về quản lý động vật, thực vật hoang dã (Cites)	Vụ	0	Giảm 01 vụ		
-	Vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép	Vụ	53	Giảm 28 vụ		
-	Vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản	Vụ	0	Giảm 01 vụ		

TT	Hạng mục	ĐVT	9 tháng năm 2018		ƯTH tháng năm 2018	
			Kết quả	So với cùng kỳ(tăng, giảm)	Kết quả	So với cùng kỳ(tăng, giảm)
-	Chống người thi hành công vụ	Vụ	0			
-	Vi phạm khác	Vụ	131	Giảm 02 vụ		
2	Số vụ đã xử lý	Vụ	406			
-	Xử lý hình sự	Vụ	10	Giảm 05 vụ		
-	Xử phạt hành chính	Vụ	396	Giảm 03 vụ		
3	Bị thiệt hại	Ha	20,087			
-	Cháy rừng	Ha	0,703	Tăng 0,327		
-	Phá rừng trái phép	Ha	19,384	Tăng 9,959		
4	Thu nộp ngân sách	1000đ	1.241.482	Giảm 1.983.955		
5	Lâm sản tịch thu	m3	238,87			
-	Gỗ tròn	m3	212,511	Giảm 85m3		
-	Gỗ xẻ	m3	26,359	Giảm 33,326m3		

3. Phát triển sử dụng rừng.

Công tác phát triển và sử dụng rừng luôn được tỉnh quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện, kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2018, các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất lâm nghiệp cơ bản hoàn thành kế hoạch, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện lũy kế đến ngày 30/9/2018			Ước thực hiện đến ngày 31/12/2018		
				Kết quả	Tỷ lệ % so với		Kết quả	Tỷ lệ % so với	
					KH năm	Cùng kỳ năm 2017		KH năm	Cùng kỳ năm 2017
1	Chuẩn bị cây giống	ng. cây	19.500,0	14.824,5	76	100	19.500,0	100	132
2	D.tích trồng rừng tập trung	ha	11.215,4	11.599,0	103	102	11.599,0	103	102
2.1	Trồng rừng PH, ĐD	ha	65,4	65,4	100	27	65,4	100	27
	Trồng rừng PH	ha	65,4	65,4	100	30	65,4	100	30
	Trồng rừng ĐD	ha	-				-		-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện lũy kế đến ngày 30/9/2018			Ước thực hiện đến ngày 31/12/2018		
				Kết quả	Tỷ lệ % so với		Kết quả	Tỷ lệ % so với	
					KH năm	Cùng kỳ năm 2017		KH năm	Cùng kỳ năm 2017
2.2	Trồng rừng sản xuất	ha	11.150,0	11.533,6	103	104	11.533,6	103	104
	Trồng mới	ha	2.500,0	1.957,6	78	70	1.957,6	78	70
	Trồng lại sau khai thác	ha	8.650,0	9.576,0	111	115	9.576,0	111	106
2.3	D.tích trồng rừng thay thế	ha	29,89	29,89	100	100	29,89	100	100
	Dự án thủy điện		26,91	26,91			26,91		
	Dự án KD		2,98	2,98			2,98		
	Dự án Công Cộng								
3	DT rừng tự nhiên nghèo kiệt được cải tạo	ha	0	0			0	0	
4	D.tích rừng trồng được chăm sóc	ha	38.109,2	38.109,2	100	256	38.109,2	100	256
	Rừng PH, ĐD	ha	2.027,7	2.027,7	100	45	2.027,7	100	45
	Rừng Sản xuất	ha	36.081,5	36.081,5	100	348	36.081,5	100	348
5	Số lượng cây phân tán được trồng	ng. cây	350,0	381,4	109	97	381,4	109	101
6	D.tích rừng được khoán bảo vệ	ha	110.077,3	110.077,3	100	100	110.077,3	100	100
6.1	Nguồn vốn TW	ha	96.773,0	96.773,0	100	100	96.773,0	100	100
6.1.1	Chương trình 30a	ha	0	0			0	0	
6.1.2	Ngoài CT 30a	ha	96.773,0	96.773,0	100	100	96.773,0	100	100
-	Rừng Phòng hộ	ha	96.773,0	96.773,0	100	100	96.773,0	100	100
-	Rừng Đặc dụng	ha	-	-			-		
6.2	Từ nguồn vốn của tỉnh	ha	0	0			0	0	
6.3	Từ Quỹ dịch vụ môi trường rừng	ha	13.304,3	13.304,3	100	99	13.304,3	100	99
6.4	Từ nguồn vốn ODA	ha	0	0			0	0	
6.5	Từ nguồn khác	ha	0	0			0	0	
7	D.tích rừng được khoán nuôi tái sinh	ha	0	0			0	0	

4. Trồng rừng thay thế

Từ năm 2017 đến nay tỉnh Tuyên Quang không có phát sinh mới dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, hoạt động trồng rừng thay thế chủ yếu là các dự án đã chuyển đổi từ các năm trước, nhưng năm 2018 các chủ đầu tư mới nộp tiền vào Quỹ, do đó năm 2018 Quỹ tỉnh mới có căn cứ để triển khai trồng rừng thay thế:

- Kết quả trồng rừng thay thế năm 2018: 29,89 ha, , trong đó gồm.

+ Dự án thủy điện đã chuyển đổi mục đích từ năm 2013: 26,91 ha.

+ Dự án kinh doanh chuyển đổi mục đích từ năm 2016: 2,98 ha

- Kết quả thu, chi tiền trồng rừng thay thế:

Tổng số tiền đã thu về Quỹ tỉnh (lũy kế từ năm 2006 đến nay): 1.340.600.000 đồng.

- Tổng số đã chi đến 30/9/2018: 476.437.766 đồng, (đầu tư trồng 15,0 ha năm 2016).

- Tổng số tiền chưa chi: 864.162.234 triệu đồng, trong đó:

+ Đã có kế hoạch chi trong năm 2018 nhưng chưa giải ngân do chưa đến thời điểm nghiệm thu khối lượng hoàn thành: 863.218.254 đồng, (Đầu tư chăm sóc rừng 15,0 ha và trồng rừng 29,98 ha)

+ Còn tồn 943.980 đồng. (thu từ lãi tiền gửi)

5. Khai thác, sử dụng rừng.

a) Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ:

Trong 9 tháng, toàn tỉnh đã khai thác gỗ được 555.550 m³, bằng 68 % KH, bằng 120% so cùng kỳ năm 2017, trong đó: Khai thác rừng tập trung 5.152 ha; sản lượng gỗ 505.891 m³; khai thác cây phân tán: 49.659 m³. Ước thực hiện cả năm khai thác 814.000 m³ gỗ, đạt 100% kế hoạch.

Khai thác tre nứa: 18.578 tấn, bằng 84% KH. Ước thực hiện cả năm đạt 22.100 tấn, bằng 100% kế hoạch.

b) Cấp chứng chỉ rừng

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 19.787,27 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng (FSC), cụ thể:

- Các Công ty TNHH 1 TV lâm nghiệp thuộc tỉnh: 11.583 ha³.

- Các Công ty lâm nghiệp thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam đóng trên địa bàn tỉnh: 3.650,51 ha⁴.

- Các hộ gia đình, cá nhân: 4.553,76 ha/1.177 hộ⁵.

³ Các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp thuộc tỉnh: Chiêm Hóa 5.635,54 ha; Sơn Dương 2.480,46 ha; Tuyên Bình 1.419,83 ha; Nguyễn Văn Trỗi 326 ha; Yên Sơn 1.722,05 ha)

⁴ Công ty lâm nghiệp thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam: Hàm Yên 2.028 ha; Tân Phong 1.622 ha)..

6. Tình hình huy động, giải ngân các nguồn vốn

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2018 (tỷ đồng)	Tình hình giải ngân đến 30/9/2018		Ước giải ngân đến 31/12/2018	
			Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ %	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng	55,4	7,1	12,8	55,4	100,0
I	Ngân sách nhà nước	46,0	4,7	10,2	46,0	100,0
1	Ngân sách Trung ương	37,6	2,5	50	37,6	100,0
a	Vốn đầu tư	5	2,5	50	5	100,0
	<i>Dự án Phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang</i>	5	2,5	50,0	5	100,0
b	Vốn sự nghiệp	32,6	0	-	32,6	100,0
2	Ngân sách địa phương	8,4	2,2	26,2	8,4	100,0
II	Vốn ODA					
III	Nguồn vốn khác	9,40	2,41	25,7	9,40	100,0
1	Dịch vụ MTR	9,40	2,41	25,7	9,40	100,0
2	Các tổ chức, cá nhân...					

III. ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

Luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh các cấp, các ngành, sự đồng thuận của nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh là tiền đề vững chắc để phát triển lâm nghiệp. Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đầu tư, khuyến khích bảo vệ và phát triển rừng đã thu hút các doanh nghiệp lâm nghiệp, các tổ chức kinh tế, hộ gia đình tham gia vào đầu tư trồng và bảo vệ rừng

2. Khó khăn

Công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh còn một số khó khăn, đó là: ⁽¹⁾ Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất lâm nghiệp còn hạn chế, toàn tỉnh mới có 1 đơn vị sản xuất cây giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, công suất 1,5 triệu cây/năm; ⁽²⁾ Thiếu nguồn vốn để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp; ⁽³⁾ Một số chính sách theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày

⁵ Huyện Yên Sơn: 2.135,17 ha/342 hộ thành viên (Trong đó gồm các xã: Tiến Bộ 1.670,1 ha/681 hộ; Công Đa 448,34 ha/124 hộ; Phú Thịnh 424,04 ha/110 hộ, Nhữ Hán 624,43 ha/14 hộ, Tân Tiến 419,98 ha/81 hộ) và huyện Chiêm Hóa: 966,79 ha/167 hộ thành viên (trong đó gồm các xã: Tân Mỹ 782,77 ha/123 hộ, Hùng Mỹ 184,02 ha/44 hộ).

14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ khó áp dụng do các chính sách cần có nhiều điều kiện và thiếu vốn; ⁽⁴⁾ Công tác bảo vệ rừng ngày càng khó khăn phức tạp, do các khu rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh còn nhiều lâm sản quý, hiểm luôn tiềm ẩn những nguy cơ bị xâm hại cao, mặt khác các đối tượng khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép với nhiều thủ đoạn tinh vi và rất mạnh động, sẵn sàng cản trở, chống đối quyết liệt người thi hành công vụ.

VI. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Trung ương hàng năm quan tâm, sớm phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững để tỉnh chủ động triển khai thực hiện.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tạo điều kiện giúp đỡ để tỉnh Tuyên Quang được bổ sung vốn thực hiện Dự án phát triển lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất chất lượng rừng trồng sản xuất từ nguồn vốn đầu tư Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

B- VỀ ƯỚC THỰC HIỆN TỶ LỆ CHE PHỦ RỪNG NĂM 2018, 2020

Trên cơ sở tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đến năm 2017 là 64,9% và theo lộ trình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất lâm nghiệp trong giai đoạn 2016-2020, khai thác hợp lý diện tích rừng trồng, duy trì độ che phủ trên 60%, hoạt động phát triển rừng chủ yếu là trồng rừng lại sau khai thác, không có kế hoạch khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng... (diện tích trồng rừng \geq diện tích khai thác) do đó tỷ lệ che phủ rừng luôn giữ ổn định, trong 2 năm 2019-2020, dự ước đạt 65%.

C- RÀ SOÁT KẾT QUẢ KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG TIỀM NĂNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

Căn cứ kế hoạch thực hiện chỉ tiêu khai thác gỗ rừng trồng của tỉnh trong giai đoạn, nhu cầu gỗ tiêu thụ của thị trường và tiềm năng về diện tích, sản lượng gỗ khai thác thực tế trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang, báo cáo như sau:

Tổng diện tích rừng trồng của tỉnh là 171.362 ha, sau khi trừ đi diện tích rừng trồng khai thác không ổn định theo chu kỳ kinh doanh gồm: rừng trồng bằng các loài cây trồng bản địa, gỗ lớn chu kỳ kinh doanh dài như Lát hoa, Mỡ, Lim, hoặc rừng trồng không khai thác gỗ như Sơn, Cọ, Tre, Nứa, Luồng, Trám, Sấu, Chè Shan...và diện tích rừng trồng ngoài quy hoạch phát triển rừng, tổng diện tích 58.623 ha, như vậy diện tích tiềm năng có khả năng khai thác ổn định bình quân/năm là 11.274 ha, với năng suất rừng bình quân là 70m³/ha/chu kỳ thì tổng sản lượng gỗ khai thác rừng trồng tập trung là 789.180 m³, sản lượng khai thác gỗ cây trồng phân tán là 500 nghìn cây (vì trong những năm qua, kết quả thực hiện trồng cây phân tán được 500 nghìn cây/năm), do đó tổng sản lượng gỗ khai thác tiềm năng, ổn định của tỉnh ước đạt khoảng 824.180 m³/năm là phù hợp với thực tế thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *h*

- Tổng cục Lâm nghiệp;
 - Ủy ban nhân dân tỉnh
 - Lãnh đạo Sở;
 - Chi cục Kiểm lâm;
 - Lưu VT.
- (Báo cáo;

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Việt